

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2023/DS-PT**
Ngày: 26/5/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Lê Quốc Ly.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2023/QĐPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Đỗ Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Ông T vắng mặt, bà L có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1991. Nơi làm việc: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn Th, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1967. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lương Công Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Văn Th: Ông Nguyễn N – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: đường L, phường B, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ông Nguyễn Văn D – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đại diện theo ủy quyền. Có

mặt.

2/ UBND xã A, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Ông NLQ3, sinh năm 1988. Có mặt.

4/ Ông NLQ4, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

5/ Bà NLQ5, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ4, bà NLQ5: ông Lương Công Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6/ Ông NLQ6, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7/ Ông NLQ7, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 21/01/1998, hộ gia đình ông T, bà L được UBND huyện Tuy An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 472A, tờ bản đồ 11, diện tích 1.440m², tọa lạc tại: thôn P, xã A, huyện T, Phú Yên. Thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP thì hộ gia đình ông T được cân đối có 03 nhân khẩu gồm: Đỗ Văn T, Nguyễn Thị L và NLQ6. Tuy nhiên, trên thực tế hộ gia đình ông T không trực tiếp sử dụng thửa đất 472A mà sử dụng thửa đất 473, tờ bản đồ 11 (thửa liền kề), còn vợ chồng ông Th, bà B sử dụng thửa đất 472A. Nguyên nhân thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP Nhà nước không tiến hành giao đất trên thực địa dẫn đến sử dụng sai vị trí.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Th, bà B trả lại thửa đất 472A, tờ bản đồ 11 (hiện là thửa 652, tờ bản đồ 17, diện tích 1348,6m²) cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Đối với tài sản trên thửa đất 652, tờ bản đồ 17 đang tồn tại tường rào kẽm gai (không móng) cao 1,5m, dài 93,1m, tài sản này là do phía bị đơn đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, tường rào kẽm gai này có đoạn từ điểm 12 – 13 – 1 (dài 20,23m) đang tồn tại trên thửa đất 652 (ở hướng Bắc), nên yêu cầu phía bị đơn tháo dỡ; Riêng đoạn tường rào kẽm gai từ điểm 8 – 9 – 10 – 11 – 12 thì vị trí tường rào nằm giữa 02 thửa đất 651 và 652, nên cho tồn tại để làm ranh giới hai thửa đất, nguyên đơn không yêu cầu tháo dỡ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày:

Ông Võ M (cha ông Th) sử dụng thửa đất 472A, tờ bản đồ 11 tại: thôn P, xã A, huyện T, Phú Yên từ năm 1979 đến khi giao đất theo Nghị định 64/CP thì hộ gia đình ông Võ M được cân đối 07 nhân khẩu cụ thể: Võ M, Phan Thị P, Võ Văn Th, Bùi Thị B, NLQ3, NLQ4, NLQ5. Được UBND huyện Tuy An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 24/5/1997 với nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất 473, tờ bản đồ 11, diện tích 1.500m², tọa lạc tại: thôn P, xã A, huyện T, Phú Yên. Sau khi ông M và bà P chết thì ông Võ Văn Th là người thừa kế quản lý, sử dụng thửa đất.

Việc vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà B trả lại diện tích đất 1.440m² tại thửa đất 472A thì bị đơn không đồng ý bởi: Vụ án này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 08/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020; đồng thời, Chủ tịch UBND huyện Tuy An đã ban hành quyết định giải quyết nội dung khiếu nại theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh tham mưu thửa đất xưa kia ông Võ M nay ông Võ Văn Th thừa kế, được Nhà nước giao đất và sử dụng từ năm 1979 đến nay. Hiện nay đã và đang thi hành kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Tuy An, kết luận Thanh tra huyện Tuy An.

Về tường rào kẽm gai (không móng) cao 1,5m, dài 93,1m hiện nay đang tồn tại và nằm giữa ranh giới hai thửa đất 652 và 651, đây là tài sản của vợ chồng ông Th, bà B đầu tư xây dựng, nên không đồng ý tháo dỡ. Do đó, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Tuy An và tại phiên tòa người đại diện trình bày:

Hộ ông Võ M được UBND huyện Tuy An cấp GCNQSDĐ ngày 24/5/1997 gồm 04 thửa đất: Thửa số 600, tờ bản đồ 08, diện tích 200m²; Thửa số 913, tờ bản đồ 09, diện tích 1190m²; Thửa số 473, tờ bản đồ 11, diện tích 1500m²; Thửa số 546, tờ bản đồ 11, diện tích 1780m² tọa lạc tại: Thôn P, xã A, huyện T, Phú Yên. Thời điểm cấp đất cho hộ gia đình ông Võ M theo Nghị định 64/CP gồm 07 nhân khẩu. Sau khi ông Võ M chết, ngày 15/02/2017 ông Võ Văn Th làm thủ tục thừa kế thửa đất 473, được Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tuy An ký xác nhận chỉnh lý tại trang 04 GCNQSDĐ.

Hộ ông Đỗ Văn T được UBND huyện Tuy An cấp GCNQSDĐ ngày 21/01/1998 gồm 02 thửa đất: Thửa số 303, tờ bản đồ 08, diện tích 170m² và thửa số 472A, tờ bản đồ 11, diện tích 1440m² tọa lạc tại: thôn P, xã A, huyện T, Phú Yên, thời điểm cấp đất cho hộ gia đình ông T theo Nghị định 64/CP gồm 03 nhân khẩu.

Qua kiểm tra bản đồ 299 đo đạc 1993, thì ông Võ M sử dụng thửa đất 473, tờ bản đồ 11, diện tích 1500m² được kê khai trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và có tên trong Sổ dã ngoại. Hợp tác xã Nông nghiệp A giao khoán 10 cho ông Võ M sử dụng cho đến khi cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP là giữ nguyên hiện trạng. Đối với ông Đỗ Văn T là hộ có nhu cầu sử dụng đất, có

Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất nên được Hội đồng xã A xét cân đối giao thửa 472A, tờ bản đồ 11, diện tích 1440m² là giao đất đúng quy định.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 568/QĐ-UB ngày 16/6/1994 của UBND tỉnh Phú Yên và Hướng dẫn số 146/HD-UB ngày 24/3/1995 của UBND tỉnh Phú Yên về quy định giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo Nghị định 64/CP. Hội đồng giao đất thời điểm đó đã không tổ chức lập biên bản giao đất trên thực địa cho người sử dụng đất, dẫn đến ông Võ M và ông Đỗ Văn T canh tác không đúng vị trí đất giao sử dụng theo GCNQSDĐ. Cụ thể: hộ ông Võ M được cấp GCNQSDĐ thửa đất 473 nhưng thực tế sử dụng thửa 472A. Hộ ông Đỗ Văn T được cấp GCNQSDĐ thửa đất 472A nhưng thực tế sử dụng thửa 473.

UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Võ M, Đỗ Văn T là đúng quy định pháp luật, do đó, vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà B trả lại thửa 472A (nay là thửa 652, tờ bản đồ 17) là có căn cứ.

Tại các văn bản của Ủy ban nhân dân xã An Mỹ trình bày:

Hộ gia đình ông Võ M và hộ gia đình ông Đỗ Văn T sử dụng thửa đất được kê khai trong Đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được Hội đồng giao đất là đúng quy định. Tuy nhiên, Hội đồng giao đất thiếu bước giao đất thực địa dẫn đến hai hộ gia đình sử dụng nhầm lẫn với nhau. Quan điểm UBND xã thống nhất với GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Võ M, hộ ông Đỗ Văn T, các bên đã sử dụng không đúng thửa đất được giao và cấp GCNQSDĐ nên phải giao trả đất lại cho nhau để sử dụng theo đúng GCNQSDĐ được cấp.

NLQ3, NLQ4 và NLQ5 thống nhất như trình bày của bị đơn.

NLQ6 thống nhất như trình bày của nguyên đơn.

Ông NLQ7 trình bày: Từ năm 1996 vợ chồng ông T, bà L cho ông NLQ7 thuê thửa đất 473, tờ bản đồ 11 để canh tác trồng lúa, đến năm 2010 thì trả lại đất cho vợ chồng ông T, bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 161, 166, 168, 169 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, 2 Điều 26 và Điều 100 Luật đất đai 2013.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn Th, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị L thửa đất 472A, tờ 11, diện tích 1440m² theo tờ bản đồ 299, đo đạc 1993, 1997 (nay là thửa 652, tờ 17, diện tích 1348,6m²), theo tứ cận: Đông giáp đất 5% của UBND xã A quản lý, Tây giáp thửa 473 nay là thửa 651, Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Nhi, Bắc giáp thửa 592, tọa lạc tại: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu UBND xã A, huyện Tuy An làm thủ tục xác nhận thông tin trình theo hồ sơ đề nghị Chi nhánh VPĐK quyền sử dụng đất huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên điều chỉnh đúng tên chủ sử dụng đất theo giấy CNQSDĐ số: G 826323 ngày 21/01/1998, đã được UBND huyện Tuy An cấp cho hộ gia đình ông T, bà L tại thửa 472A, tờ 11 đúng theo vị trí thửa đất tờ bản đồ 299 đo đạc 1993, 1997.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Th, bà B phải có nghĩa vụ tháo dỡ tường rào kẽm gai (không móng) đoạn từ điểm 12 – 13 – 1 (dài 20,23m ở hướng Bắc) trên thửa 652, tờ 17, tọa lạc tại: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (Kèm theo mảnh trích đo thửa đất).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự giữ nguyên quan điểm trình bày. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hủy một phần các GCNQSDĐ đã cấp nhằm thừa cho 02 hộ gia đình ông Th và ông T. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Thực tế gia đình ông M (cha ông Th) đã sử dụng đất từ năm 1979 đến nay đã hơn 30 năm, Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T, hộ ông M không đúng vị trí thửa đất, chứ không phải các bên sử dụng đất không đúng vị trí như quan điểm của UBND huyện. Trường hợp này lẽ ra Cơ quan Nhà nước phải đính chính lại số thửa trên GCNQSDĐ cho đúng thực tế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm vì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn căn cứ GCNQSDĐ được cấp thửa đất 472A để khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả thửa 472A cho nguyên đơn sử dụng. Bị đơn cho rằng đã sử dụng thửa đất 472A từ năm 1979 đến nay, việc cấp GCNQSDĐ của

UBND huyện là không đúng nên phải điều chỉnh số thửa đất trên GCNQSDĐ theo đúng thực tế các bên đã sử dụng đất.

[2.2] UBND xã xác định nguồn gốc thửa đất 472A, 473 trước đây do hộ ông Đỗ P sử dụng (ông Đỗ P không có mối quan hệ gì với gia đình Đỗ Văn T, Võ M). Khi thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về đất đai thì ông Đỗ P đưa đất vào Hợp tác xã quản lý, sử dụng. Theo Sổ dã ngoại lập năm 1993 thì thửa 473 ghi tên người sử dụng đất là Võ M, còn thửa 472 không ghi tên người sử dụng đất. Đến khi thực hiện Nghị định 64/CP thì cân đối, giao đất thửa 472A (một phần thửa 472) cho hộ Đỗ Văn T, thửa 473 cho hộ Võ M. Đến năm 2017 ông Võ Văn Th liên hệ UBND xã khai nhận thửa kể ông Võ M thì mới phát hiện thực tế hộ Võ M canh tác thửa 472A, còn hộ Đỗ Văn T canh tác thửa 473. Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn khai nhận trước khi được giao đất theo Nghị định 64/Cp của Chính phủ, hộ gia đình ông Võ M đã sử dụng diện tích đất của thửa 472A từ năm 1979; Nguyên đơn khai nhận thực tế canh tác trên thửa đất 473 từ năm 1998 khi được Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/Cp.

[2.2] Tại các văn bản trình bày ý kiến thời điểm năm 2019 – 2020 thì UBND huyện khẳng định việc cấp GCNQSDĐ là đúng, các bên đã sử dụng không đúng thửa đất được giao nên phải giao trả lại cho nhau để sử dụng thửa đất theo đúng GCNQSDĐ được cấp. Đến năm 2022 UBND huyện có quan điểm hộ Võ M sử dụng thửa đất 472A từ năm 1979 đến nay là đúng thực tế.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất trên thực tế trước khi cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Võ M, Đỗ Văn T; chưa thu thập chứng cứ để xác định có việc hộ ông Võ M canh tác, sử dụng thửa đất 472A từ năm 1979 đến nay hay không là có thiếu sót.

[2.4] Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn nộp cho Tòa án Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy An về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) có nội dung: Công nhận hộ ông Võ M thực tế sử dụng thửa đất 472A, tờ bản đồ 11, diện tích 1.440m² từ năm 1979 đến nay là đúng. Tại Quyết định này, Chủ tịch UBND huyện Tuy An đã kết luận: *“...Hội đồng xét giao đất của UBND xã A có thiếu sót trong việc không hướng dẫn ông Võ M khai đúng số thửa như hiện trạng ông M đang sử dụng, không hướng dẫn ông Đỗ Văn T ghi đúng số thửa theo nhu cầu đăng ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất dẫn đến việc UBND huyện Tuy An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ M và ông Đỗ Văn T không đúng số thửa. Thực hiện Quyết định của UBND huyện Tuy An về việc cấp GCNQSDĐ thì Hội đồng xét giao đất của UBND xã A thiếu bước tổ chức lập biên bản giao đất tại thực địa. Đây là việc làm thiếu trách nhiệm của Hội đồng xét giao đất của UBND xã A vào thời điểm 1997 trong việc thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ”.*

Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy An là quyết định cá biệt có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên, có nội dung kết luận 02 GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Võ M, Đỗ Văn T không đúng quy định pháp luật. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hủy các

GCNQSDĐ đã cấp nhằm thừa cho 02 hộ gia đình ông Th và ông T. Do đó, Quyết định số 36/QĐ-UBND và 02 GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất 472A và 473, tờ bản đồ 11 đã cấp cho hộ ông Võ M, Đỗ Văn T phải được xem xét trong cùng vụ án. Căn cứ Điều 34, khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên cần hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

Giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Hoàn trả cho ông NLQ3 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5715 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Hoàn trả cho ông Võ Văn Th, bà Bùi Thị B 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5716 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện Tuy An;
- VKSND huyện Tuy An;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn, KTNV, tt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Lâm